

Số: 28 /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 112/QĐ-BKH ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./A

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Bộ (KHTC, Tài vụ);
- Lưu: VT, KHGD TNMT, QH (6)







## QUY CHẾ

### Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của  
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thuộc ngân sách nhà nước trong nội bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm: xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách; xét duyệt và nghiệm thu; chấp hành và quyết toán kinh phí; báo cáo, thanh tra kiểm tra và điều khoản thi hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường* là nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Thông tư 31/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính và pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và bảo vệ môi trường.

2. *Nhiệm vụ bảo vệ môi trường* là các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình về công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư quy định tại Điều 151 và điểm a khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và bảo vệ môi trường.

3. *Đơn vị chủ trì* là đơn vị được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

4. *Cá nhân chủ nhiệm* là công chức/ viên chức thuộc đơn vị chủ trì được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

#### **Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường**

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải có trong kế hoạch bảo vệ môi trường hằng năm được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

2. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm phải sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Nhiệm vụ chi, định mức chi khi lập dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Định mức chi không quy định cụ thể tại hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Tài chính được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương II**

### **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**

#### **Điều 5. Đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Hằng năm, trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn các đơn vị trong Bộ xây dựng nhiệm vụ bảo vệ môi trường của năm kế hoạch tiếp theo. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường của các đơn vị phải đảm bảo phù hợp với định hướng, nội dung, nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ môi trường của năm kế hoạch tiếp theo và phù hợp với quy định nêu tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trong Bộ có văn bản đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường của đơn vị mình cho năm kế hoạch tiếp theo, kèm theo Thuyết minh đề cương của từng nhiệm vụ theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Quy chế này gửi Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 6. Tổng hợp nhiệm vụ và xây dựng dự toán kinh phí bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổng hợp Danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên cơ sở đề xuất của các đơn vị trong Bộ;

b) Trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng xét duyệt Đề cương nhiệm vụ để xem xét, đề xuất hoàn chỉnh đề cương của các nhiệm vụ; khuyến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết để đơn vị chủ trì hoàn thiện đề cương nhiệm vụ, gửi Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường trình Lãnh đạo Bộ xem xét ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

c) Trình Lãnh đạo Bộ công văn đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính theo tiến độ, kế hoạch quy định.

## 2. Văn phòng Bộ:

a) Hướng dẫn lập dự toán kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

b) Căn cứ công văn đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Văn phòng Bộ tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài chính.

Thời điểm tổng hợp kế hoạch là trước ngày 15 tháng 07 của năm hiện hành.

## **Điều 7. Giao nhiệm vụ và dự toán ngân sách bảo vệ môi trường**

### 1. Căn cứ để giao nhiệm vụ và dự toán ngân sách:

a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo nội dung chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Thông báo của Văn phòng Bộ về dự toán kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường;

d) Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt;

e) Nhiệm vụ đột xuất, cấp bách (nếu có).

### 2. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường:

a) Trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt danh mục và phân bổ ngân sách nhiệm vụ bảo vệ môi trường triển khai trong năm kế hoạch;

b) Thông báo giao nhiệm vụ và ngân sách bảo vệ môi trường trong năm kế hoạch cho các đơn vị chủ trì trong Bộ. Thời điểm thông báo giao nhiệm vụ là trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

### 3. Văn phòng Bộ:

a) Trên cơ sở Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thực hiện năm kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn đăng ký kế hoạch bảo vệ sự nghiệp môi trường của năm kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài nguyên và



Môi trường (do Vụ KHGD TNMT chủ trì tổng hợp), tiến hành tổng hợp dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường vào Báo cáo tổng hợp dự toán hằng năm của Bộ gửi Bộ Tài chính.;

b) Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục phân bổ ngân sách nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm kế hoạch nêu tại điểm a khoản 2 Điều 7, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị thực hiện.

Thời điểm giao dự toán ngân sách nhà nước năm sau là trước 31/12 năm hiện hành.

#### 4. Đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm:

Căn cứ thông báo của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường và dự toán ngân sách được giao, đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm chủ trì rà soát thuyết minh đề cương, dự toán ngân sách nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Trường hợp nhiệm vụ có sự thay đổi, đơn vị chủ trì gửi văn bản đề xuất chỉnh sửa, bổ sung tới Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt Quyết định chỉnh sửa, bổ sung.

### Chương III

## XÉT DUYỆT, NGHIỆM THU VÀ ĐIỀU CHỈNH

### Điều 8. Xét duyệt đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường

#### 1. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường:

a) Căn cứ công văn đăng ký, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường của các đơn vị, Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Xét duyệt theo mẫu tại **Phụ lục 2** ban hành kèm Quy chế này. Thành phần của Hội đồng Xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hội đồng phải có học vị Tiến sĩ; 01 Thư ký hội đồng (là công chức của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường có học vị Cử nhân trở lên); 02 Ủy viên phản biện có học vị Thạc sĩ trở lên và các Ủy viên có trình độ cử nhân trở lên là đại diện của Văn phòng Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức họp Hội đồng Xét duyệt hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia, nhà quản lý; và thông báo kết quả xét duyệt cho đơn vị chủ trì trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng.

#### 2. Hoạt động của Hội đồng Xét duyệt:

a) Cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên trong Quyết định thành lập Hội đồng tham gia, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch Hội đồng; Thư ký Hội đồng và ít nhất một (01) Ủy viên phản biện;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp Hội đồng, tổng hợp, xử lý các ý kiến trao đổi, thảo luận của các thành viên Hội đồng, đưa ra ý kiến kết luận và công bố kết quả đánh giá của Hội đồng;

c) Thư ký Hội đồng tổng hợp Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng; ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng một cách đầy đủ, trung thực theo mẫu quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Quy chế này; hoàn chỉnh biên bản họp Hội đồng theo ý kiến của Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng;

d) Ủy viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết Phiếu đánh giá theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Quy chế này, viết ý kiến nhận xét, đánh giá Thuyết minh đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường (đối với ủy viên phản biện);

e) Thuyết minh đề cương được đề nghị phê duyệt phải đạt tổng số điểm từ 70/100 điểm trở lên.

3. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm hoàn thiện Thuyết minh đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo các ý kiến góp ý của Hội đồng xét duyệt trong vòng 03 ngày làm việc và gửi hồ sơ nhiệm vụ bảo vệ môi trường về Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 9. Phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Văn bản đề xuất phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường có chữ ký của lãnh đạo đơn vị chủ trì nhiệm vụ, trong đó nêu rõ các nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng xét duyệt;

b) Thuyết minh đề cương nhiệm vụ đã được hoàn chỉnh theo ý kiến Hội đồng xét duyệt đề cương;

c) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt kèm theo Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng (bản gốc).

2. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại **Phụ lục 5** ban hành kèm theo Quy chế này.

### **Điều 10. Triển khai, điều chỉnh, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Đơn vị chủ trì:

a) Triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo đúng nội dung, tiến độ và dự toán đã được phê duyệt.

b) Khi có kiến nghị thay đổi, điều chỉnh nội dung, tiến độ, dự toán, và các nội dung liên quan khác phải có báo cáo bằng văn bản gửi Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

2. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường về nội dung, tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí;

b) Tham mưu, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định việc thay đổi, điều chỉnh nội dung, tiến độ, dự toán nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

c) Thông báo bằng văn bản cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ trong trường hợp có sự thay đổi về dự toán chi ngân sách để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự toán.

### **Điều 11. Nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Hằng năm, nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải được đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện tại Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có văn bản đề xuất nghiệm thu gửi Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 10 hằng năm. Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ theo mẫu quy định tại **Phụ lục 6** ban hành kèm theo Quy chế này. Thành phần của Hội đồng đánh giá nghiệm thu, ưu tiên đề xuất các thành viên trong Hội đồng Xét duyệt, bao gồm: Chủ tịch hội đồng phải có học vị Tiến sĩ; 01 Thư ký hội đồng (là công chức của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường có học vị Cử nhân trở lên); 02 Ủy viên phản biện có học vị Thạc sĩ trở lên và các Ủy viên có trình độ cử nhân trở lên là đại diện của Văn phòng Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ có hiệu lực, đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường phải tổ chức cuộc họp nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Hoạt động của Hội đồng đánh giá nghiệm thu tương tự như đối với Hội đồng xét duyệt đề cương. Biên bản họp, phiếu đánh giá nghiệm thu thực hiện theo mẫu quy định tại **Phụ lục 7 và 8** ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường được đánh giá xếp loại theo các mức cụ thể như sau:

- Xuất sắc: Đạt tổng số điểm từ 90/100 trở lên;
- Khá: Đạt tổng số điểm từ 80/100 trở lên;
- Đạt: Đạt tổng số điểm từ 70/100 trở lên;
- Không đạt: Có tổng số điểm dưới 70 điểm.

6. Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo tổng kết nhiệm vụ theo các ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

### **Điều 12. Giao nộp kết quả, sản phẩm nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm:

1. Giao nộp 03 bộ sản phẩm đã hoàn thiện gồm báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt (bản cứng và bản mềm của các báo cáo chuyên đề, sản phẩm, kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ, số liệu về điều tra khảo sát và tài liệu liên quan khác) của nhiệm vụ bảo vệ môi trường, trong đó:

a) 01 bộ sản phẩm kèm Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu gửi Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường để xác nhận kết quả;

b) 01 bộ sản phẩm kèm theo hồ sơ, giấy tờ liên quan quy định tại Khoản 3, Điều 13 của Quy chế này gửi đơn vị dự toán thuộc Bộ để làm các thủ tục thanh quyết toán kết thúc nhiệm vụ;

c) 01 bộ sản phẩm gửi Thư viện cơ quan để làm tài liệu tham khảo chung trong cơ quan và phục vụ cho việc khai thác thông tin.

2. Phối hợp với Trung tâm tin học của Bộ để thông báo trên mạng nội bộ cơ quan các thông tin chính về nội dung, kết quả nghiên cứu, sản phẩm và kết quả nghiệm thu nhiệm vụ.

## **Chương IV**

### **CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH**

**Điều 13. Quy định về giao tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Đơn vị dự toán thuộc Bộ thực hiện chế độ cấp phát tạm ứng kinh phí cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường được phê duyệt và giao dự toán trong năm kế hoạch.

2. Quy định cấp phát, thanh toán kinh phí cho nhiệm vụ được thực hiện như sau:



a) Đợt 1: Sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục và phân bổ ngân sách nhiệm vụ bảo vệ môi trường được tạm ứng tối đa 30% kinh phí được giao.

b) Đợt 2: Sau khi nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu thông qua và Chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán được thanh toán kinh phí còn lại.

3. Hồ sơ đề nghị tạm ứng kinh phí bao gồm:

a) Giấy đề nghị tạm ứng có chữ ký của cá nhân chủ nhiệm và thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ kèm theo Dự toán kinh phí tạm ứng, Giấy ủy quyền nhận tạm ứng của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ (trong trường hợp không trực tiếp nhận tạm ứng);

b) Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

c) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường kèm theo Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng;

d) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

đ) Quyết định phê duyệt danh mục và phân bổ ngân sách nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

e) Thuyết minh đề cương nhiệm vụ bảo vệ môi trường kèm theo Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được đóng dấu của Cơ quan chủ quản (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

g) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường và người thực hiện theo mẫu quy định tại **Phụ lục 9** ban hành kèm theo Quy chế này;

h) Các hồ sơ, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

#### **Điều 14. Quy định về thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường**

1. Sau khi nhiệm vụ bảo vệ môi trường được nghiệm thu, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện chế độ thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

a) Đối với nhiệm vụ có thời gian kết thúc là 31 tháng 12 của niên độ tài chính thì cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ phải hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán trước ngày 31 tháng 12 cùng niên độ tài chính. Thời gian hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán là 05 ngày kể từ ngày nhiệm vụ môi trường được nghiệm thu. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện chế độ thanh quyết toán với đơn vị dự toán thuộc Bộ theo quy định hiện hành;

b) Đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường có thời gian kết thúc trước ngày 31 tháng 12 của niên độ tài chính thì cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ phải hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán trước ngày 31 tháng 12 cùng niên độ tài chính. Thời hạn hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán là 10 ngày kể từ ngày nhiệm vụ bảo vệ môi trường được nghiệm thu. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện chế độ thanh quyết toán với đơn vị dự toán thuộc Bộ theo quy định hiện hành.

2. Hồ sơ thanh quyết toán bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh quyết toán có chữ ký của cá nhân chủ nhiệm và thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

b) Bản tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

c) Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

d) Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại **Phụ lục 7** kèm theo Phiếu đánh giá nghiệm thu theo mẫu quy định tại **Phụ lục 8** ban hành kèm theo Quy chế này; đ) Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 10** ban hành kèm theo Quy chế này;

e) Chứng từ, hóa đơn kế toán hợp lệ theo quy định;

g) Một bộ sản phẩm hoàn chỉnh gồm báo cáo tổng hợp; báo cáo phụ lục, trong đó bao gồm các báo cáo chuyên đề, các sản phẩm khác (nếu có);

h) Giấy xác nhận của Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện kết quả nhiệm vụ theo ý kiến Hội đồng đánh giá nghiệm thu;

i) Giấy xác nhận đã nộp sản phẩm cho Thư viện của Bộ;

k) Các hồ sơ, giấy tờ liên quan khác (nếu có).

## Chương V

### BÁO CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA

#### **Điều 15. Báo cáo tiến độ thực hiện**

Định kỳ hằng năm, đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, tình hình giải ngân kinh phí đã được cấp phát trong năm kế hoạch.



Báo cáo bằng văn bản được gửi cho Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Bộ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

### **Điều 16. Thanh tra, kiểm tra**

Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường chịu sự kiểm tra của Kiểm toán nhà nước và Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường; có trách nhiệm chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước và Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kiểm tra, kiểm toán, thanh tra.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 17. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-BKH ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến bằng văn bản về Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, sửa đổi, bổ sung. /